

Số: 30/2024/QĐST-DS

T, ngày 20 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 47/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn S, sinh năm 1955;

- *Bị đơn:*

+ Ông Phạm Văn H, sinh năm 1965;

+ Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Phạm Thị E, sinh năm 1973;

+ Bà Phạm Thị Liễu, sinh năm 1962;

+ Bà Ngô Thị Tiệp, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng;

+ Chị Phạm Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu 1, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng;

+ Chị Phạm Thị L, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền của chị L, chị Hạnh: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1963 (Theo các Giấy ủy quyền ngày 12/01/2024, ngày 06/02/2024);

+ Bà Vũ Thị T, sinh năm 1981;

+ Bà Đào Thị H, sinh năm 1968;

+ Anh Phạm Công Q, sinh năm 1998;

+ Anh Phạm Văn C, sinh năm 2008;

Người đại diện theo pháp luật của anh C: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1981; ông Phạm Văn Q, sinh năm 1969 (là bố mẹ đẻ anh C);

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Di sản thừa kế của cụ Phạm Văn Đ, cụ Trịnh Thị L để lại gồm: Quyền sử dụng 03 thửa đất: Thửa số 97, tờ bản đồ số 06, diện tích là 675,56m² (đất ở); thửa số 105, tờ bản đồ số 06, diện tích là 408,87m² (đất ao), tại thôn N, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng (đều đã được Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Phạm Văn Đ) và thửa số 198, tờ bản đồ số 03, diện tích là 1.110,64m² (đất nông nghiệp), tại xứ đồng Cầu Buồng, thôn N, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng. Cụ Đ chết năm 2009, cụ L chết năm 2004, đều không để lại di chúc. Nay, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thỏa thuận chia di sản thừa kế như sau:

- Đối với thửa đất số 97, tờ bản đồ số 06: Chia cho ông Phạm Văn H được sử dụng, sở hữu phần đất (S1) gồm các mốc 1, 2, 2-1, 5-1, 6, 7, 8, 9, 10, 1, diện tích là 541,20m² và tài sản gắn liền với phần đất ông Hòa được chia là của vợ chồng ông H, bà Đào Thị H; bà Phạm Thị E được sử dụng, sở hữu phần đất còn lại (S2) gồm các mốc 2-1, 3, 4, 5, 5-1, 2-1, diện tích là 134,36m² và tài sản gắn liền với phần đất bà E được chia là của bà E (theo hiện trạng đất bà E, ông H (đang sử dụng, có sơ đồ kèm theo).

- Đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 06: Chia cho ông Phạm Văn S được sử dụng, sở hữu phần đất (S1) gồm các mốc 1, 2, 13, 12, 1, diện tích là 93,28m² và tài sản gắn liền với phần đất ông S được chia có 01 (Một) chuồng lợn của vợ chồng ông Phạm Văn Q, bà Vũ Thị T; ông Phạm Văn Q được sử dụng, sở hữu phần đất còn lại (S2) gồm các mốc 2, 3, 14, 11, 15, 12, 13, 2, diện tích là 315,59m² và tài sản gắn liền với phần đất ông Q được chia là của vợ chồng ông Q, bà T (có sơ đồ kèm theo).

Ông S có trách nhiệm chia trả vợ chồng ông Q, bà T giá trị công dăng lập đất và giá trị 01 (Một) chuồng lợn trên phần đất ông S được chia là: 38.500.000 (Ba mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Đối với thửa đất số 198, tờ bản đồ số 03: Chia cho bà Phạm Thị L được sử dụng phần đất (S1) gồm các mốc 1, 2, 5, 6, 1, diện tích là 555,32m²; chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị L được sử dụng phần đất còn lại (S2) gồm các mốc 2, 3, 4, 5, 2, diện tích là 555,32m² (có sơ đồ kèm theo).

- Đối với khoản tiền trợ cấp thờ cúng liệt sỹ (Phạm Văn Đ) do ông S đại diện nhận từ năm 2020 đến năm 2024, sau khi trừ chi phí thờ cúng liệt sỹ còn lại 43.000.000 (Bốn mươi ba triệu) đồng, các đương sự tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết (có biên bản thỏa thuận riêng). Từ tháng 01 năm 2025 trở đi, các đương sự thỏa thuận, giao cho ông Q thực hiện việc thờ cúng liệt sỹ Phạm Văn Đ; ông S, ông H, bà E, bà L, bà T có trách nhiệm thực hiện các thủ tục để bàn giao việc thờ cúng liệt sỹ cho ông Q theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và ông Q, bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông S không thi hành khoản tiền trên thì ông S phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chưa thi hành, tính theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.

- Về án phí: Ông Phạm Văn S, bà Phạm Thị L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản được chia là 43.060.000 (Bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng $[72.000.000 \text{ đồng} + (706.000.000 \text{ đồng} \times 02\%)] \times 50\%$. Ông Phạm Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản được chia là: 41.247.000 (Bốn mươi một triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng $[72.000.000 \text{ đồng} + (524.720.000 \text{ đồng} \times 02\%)] \times 50\%$. Bà Phạm Thị E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản được chia là: 15.436.000 (Mười lăm triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn) đồng $[20.000.000 \text{ đồng} + (271.800.000 \text{ đồng} \times 04\%)] \times 50\%$. Chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản được chia là: 999.500 (Chín trăm chín mươi chín nghìn năm trăm) đồng $(39.983.000 \text{ đồng} \times 05\%) \times 50\%$.

- Về chi phí tố tụng: Ông S đã nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 14.500.000 đồng. Nay, ông S nhận chịu 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng; bà E, ông H, ông Q nhận chịu 7.000.000 (Bảy triệu) đồng, chia phần bà E, ông Q, ông H mỗi người phải trả ông S 2.333.000 (Hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Chi Cục THADS huyện Tiên Lãng;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Chi